

Bình Dương, ngày 15 tháng 4 năm 2015

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA**  
**Năm báo cáo: 2014**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thép Pomina
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700321364 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2008, đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 8 năm 2010.
- Vốn điều lệ: 1.874.499.510.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.874.499.510.000 VND.
- Mã cổ phiếu: POM

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

Được thành lập vào ngày 17/08/1999 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng, Công ty TNHH Thép Pomina không ngừng nỗ lực củng cố và phát triển để trở thành một công ty sản xuất cung ứng thép xây dựng hàng đầu tại Việt Nam, hướng đến việc hoàn thiện dịch vụ, tăng khả năng cạnh tranh nhằm thỏa mãn cao nhất yêu cầu của khách hàng.

Tiền thân của Công ty TNHH Thép Pomina là Nhà máy Thép Pomina 1 do Công ty TNHH Thép Việt sáng lập và đầu tư xây dựng.

**Nhà máy Thép Pomina 1**

Năm 1999, trong bối cảnh quá trình công nghiệp hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh, hàng loạt các công trình xây dựng đòi hỏi một sản phẩm thép chất lượng cao đảm bảo cho sự bền vững cho các công trình mang tầm vóc thời đại, đứng trước yêu cầu cấp bách đó, Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Thép Việt đã quyết định đầu tư xây dựng Nhà máy Thép Pomina 1 với công suất 300.000 tấn/năm và đưa vào sản xuất đầu năm 2002. Tổng số vốn đầu tư: 525 tỷ đồng. Máy móc thiết bị được sản xuất bởi Công ty VAI-Pomini (Ý).

Nhà máy có khả năng sản xuất tất cả các chủng loại thép xây dựng theo các tiêu chuẩn của Nhật Bản, Mỹ, EU, Nga, ...do đó ngay lập tức Nhà máy Pomina đã chiếm lĩnh thị phần lớn trong phân khúc các công trình trọng điểm của đất nước nhờ vào độ tin cậy về chất lượng.

Thêm vào đó, đội ngũ CBCNV trẻ năng động đã được đưa đi đào tạo tại Ý và chuyên gia Ý thực hiện đào tạo tiếp tục tại Việt Nam cũng đã phát huy năng lực trong vận hành sản xuất.

Hệ thống phân phối của Công ty trải dài từ Bắc vào Nam do Công ty TNHH Thép Việt quản lý đã nhanh chóng đưa Thép Pomina là một trong những địa chỉ quen thuộc nhất của ngành thép ngay từ năm đầu tiên sản xuất.

Từ những yếu tố trên, ngay trong năm đầu tiên nhà máy đã có lãi và đạt công suất thiết kế vào năm thứ 2 của dự án.

### ***Xây dựng dàn cán Thép 2 trực thuộc Nhà máy Pomina 1***

Đáp ứng nhu cầu thị trường, Nhà máy 1 liên tục chạy hết công suất, trước tín hiệu khả quan đó, dàn cán thép 2 tiếp tục được bắt đầu xây dựng vào năm 2003 và bắt đầu đi vào sản xuất vào năm 2005, với công suất 300.000 tấn/năm, nâng tổng công suất lên 600.000 tấn/năm, với tổng vốn đầu tư 2 dàn cán là 68 triệu USD (tương đương 1.100 tỷ đồng).

Nhà máy được cung cấp bởi Công ty SIMAC (Ý), và có thể sản xuất tất cả các tiêu chuẩn và chủng loại thép xây dựng từ D14 trở lên, ngoài ra, dàn cán thép 2 còn sản xuất thép hình các loại như U, I, V, H.

Đến năm 2006, dàn cán thép 2 đã đạt 100% công suất thiết kế.

### ***Công ty Cổ phần Thép Pomina***

Đến ngày 17/07/2008, công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thép Pomina với số vốn điều lệ là 500 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Thép Pomina tăng vốn điều lệ lên 820 tỷ đồng vào tháng 7/2009 bằng việc phát hành riêng lẻ.

Tháng 7/2009 Công ty Cổ phần Thép Pomina chính thức thành lập Nhà máy luyện phôi thép, trên khu đất 46 hecta, tại KCN Phú Mỹ, Bà Rịa Vũng Tàu, tổng vốn đầu tư 1.379 tỷ đồng, (trong đó vốn chủ sở hữu 495 tỷ - vốn vay 884 tỷ đồng), với công suất của dự án là: luyện 1 triệu tấn phôi và cán 0,5 triệu tấn thép xây dựng. Dự án đã đi vào sản xuất vào cuối năm 2010.

Ngày 31/08/2009, Công ty Cổ phần Thép Pomina đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về việc đăng ký trở thành Công ty đại chúng.

Trong tháng 12/2009, được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Thép Pomina phát hành riêng lẻ cho (1) các cổ đông Công ty Cổ phần Thép Việt nhằm sở hữu 99.5% Thép Việt với quy mô 0,5 triệu tấn phôi luyện và 0,5 triệu tấn thép cán; và (2) các nhà đầu tư tổ chức; nâng vốn điều lệ lên 1.630 tỷ đồng.

Ngày 07/4/2010, Công ty Cổ phần Thép Pomina chính thức niêm yết trên Sàn Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM với mã cổ phiếu là POM.

Tháng 8 năm 2010, Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina được thành lập với số vốn điều lệ của công ty là 100 tỷ VND, trong đó, Công ty Thép Pomina góp 50 tỷ VND tương đương 50% vốn điều lệ, Công ty mẹ Thép Việt góp 50 tỷ VND tương đương 50% vốn điều lệ. Văn phòng của ông ty liên doanh được đặt tại 289 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động chính là bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm, phôi thép, thép hình, phế liệu, phế thải kim loại và bán lẻ vật liệu xây dựng.

Tuy nhiên, sau 4 năm hoạt động, Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina kinh doanh không hiệu quả. Vì thế, tháng 11-2014, Hội Đồng Quản Trị đã quyết định thoát vốn 100% trong công ty liên doanh này.

Đầu năm 2011, Pomina đã khởi công xây dựng nhà máy luyện phôi thép (Pomina 3) công suất 1 triệu tấn năm tại KCN Phú Mỹ và đã đưa vào sản xuất chính thức Quý 4 năm 2012. Tính đến thời điểm 2013, Pomina là nhà máy thép lớn nhất Việt Nam với tổng công suất của Pomina là:

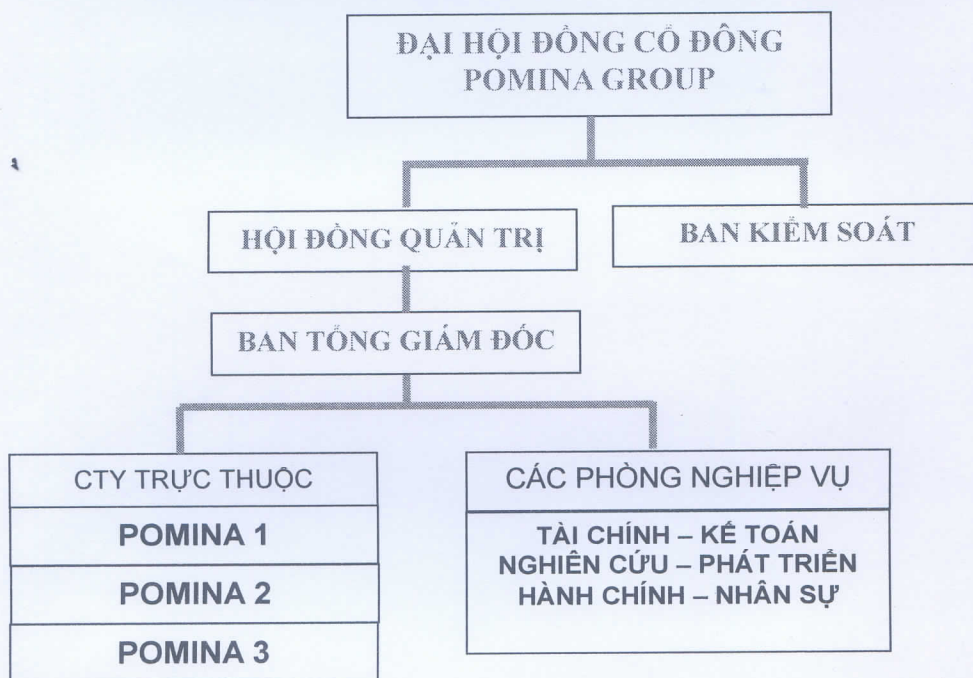
- Công suất luyện phôi thép: 1,5 triệu tấn
- Công suất cán thép xây dựng: 1,1 triệu tấn

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh:
  - Sản xuất sắt, thép, gang;
  - Tái chế phế liệu kim loại : hoạt động tại chi nhánh (nhà máy luyện phôi thép), không hoạt động tại trụ sở chính;
  - Kinh doanh các sản phẩm từ thép.
- Địa bàn kinh doanh: Phạm vi cả nước, nhưng chủ yếu là các tỉnh phía Nam và xuất khẩu sang Campuchia.

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý :**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ POMINA GROUP**



Công ty con, công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết
Chi nhánh POMINA 1	Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất: cán thép	Trực thuộc	100%
Chi nhánh POMINA 3	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Sản xuất: luyện và cán thép	Trực thuộc	100%
Công ty con POMINA 2	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Sản xuất: luyện và cán thép Khai thác, kinh doanh cảng biển, đầu tư khai thác các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật.	800 Tỷ	99.5%

## 5. Định hướng phát triển năm 2015:

1. Bước vào năm 2015 có hai yếu tố thuận lợi cơ bản sau

- Thị trường BĐS đang phục hồi mạnh và đang tiếp tục tăng.
- Năm 2015, giá nguyên vật liệu thế giới đang ở mức rất thấp nên xu hướng giá giảm sâu làm ảnh hưởng đến lợi nhuận như năm 2014 sẽ không còn

2. Định hướng

- a) POM sẽ tiếp tục giữ vững thị phần trong nước tối thiểu 15%, tăng tỷ lệ xuất khẩu lên 15% trong năm 2015
- b) Công ty sẽ tập trung giải quyết nợ dài hạn bằng việc huy động vốn vào thời điểm thích hợp
- c) Đầu tư lò cao, tăng khả năng cạnh tranh

## 6. Các rủi ro:

- a. Thị trường tăng trưởng mạnh nhưng bên cạnh đó cũng có sự tham gia của một số nhà máy mới
- b. Rủi ro về tỷ giá hối đoái và lãi suất vay dài hạn còn cao

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

- Tiêu thụ thép cả nước có xu hướng tăng mạnh trở lại, tiêu thụ thép cả nước năm 2014 là 5.237.345 tấn, tăng 14,21% (năm 2013 là 4.585.497). Tiêu thụ của POM tăng 17,55% so với năm 2013, cao hơn mức tăng của cả nước (chiếm 15,1% thị phần trong cả nước). Xuất khẩu của POM tiếp tục tăng mạnh 19% so với năm 2013.

- Vốn vay dài hạn cao đưa đến chi phí lãi vay cao (đầu năm: 1.278 tỷ - cuối năm: 789 tỷ)
- Xu thế giá nguyên liệu giảm trên thế giới giảm sâu như năm khủng hoảng 2008, là nguyên nhân chính đưa đến không lãi như kế hoạch.

	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	12.000	10.804	90.03%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	200	(28.7)	
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1.67%	-	
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	7.75%	-	
Cổ tức		-	

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Họ & Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Đỗ Văn Khánh	Tổng Giám đốc	552,000cp # 0.29%
Nguyễn Thanh Lan	Phó Tổng giám đốc	2,178,111 cp # 1.16%
Nguyễn Nhật Trường	Kế toán trưởng	O

- Những thay đổi trong ban điều hành: không có.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 1.493 người.
- Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không có.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không có
- Các công ty con, công ty liên kết: Trong năm 2014 không có đầu tư thêm vào các công ty con, công ty liên kết

## 4. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài chính

	2013	2014	2014 / 2013
Tổng giá trị tài sản	7.494.243.256.938	9.369.826.649.201	1.25
Doanh thu thuần	9.891.226.461.080	10.804.878.879.947	1.09
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(113.511.101.537)	(10.616.203.499)	0.09
Lợi nhuận khác	(56.019.773.955)	(15.248.824.606)	0.27
Lợi nhuận trước thuế	(193.985.226.818)	(25.865.028.105)	0.13
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(193.307.320.820)	(28.709.332.685)	0.15

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Đvt	2012	2013	2014
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.03	1.03	0.99
TSLĐ/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.56	0.50	0.44
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn				
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	70.58	68.05	74.75
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	240.46	213.43	296.68
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	3.5	4.1	2.8
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0.75	1.32	1.15
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0.04	-1.96	-0.26
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0.05	-2.58	-0.30
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp bình quân	%	0.27	-10.35	-1.52
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	0.20	-8.12	-1.21
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0.38	-1.15	-0.09

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 187,449,951 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 49,194,939cp
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 138,255,012cp
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: không có

**b) Cơ cấu cổ đông:**

Căn cứ theo danh sách cổ đông chốt ngày 1-4-2015, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

2015	1. Cổ đông VN			2. Cổ đông nước ngoài			TỔNG CỘNG		
	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ
A. Cổ đông pháp nhân	35	121,120,018	64.61%	7	371,328	0.20%	42	121,491,346	64.81%
B. Cổ đông cá nhân	703	54,141,642	28.88%	27	11,816,963	6.30%	730	65,958,605	35.19%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>738</b>	<b>175,261,660</b>	<b>93.50%</b>	<b>34</b>	<b>12,188,291</b>	<b>6.50%</b>	<b>772</b>	<b>187,449,951</b>	<b>100.00%</b>

Phân loại khác:

	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ	GHI CHÚ
Cổ đông sáng lập	1	116,743,868	62,28%	Công ty TNHH TM và SX Thép Việt
Cổ đông Nhà nước	0	0	0	
Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu trên 5%)	1	116,743,868	62,28%	Công ty TNHH TM và SX Thép Việt
<b>CỔ PHIẾU QUỸ</b>		1,132,790	0.60%	

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Các đợt tăng vốn cổ phần trong năm: không có.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 1,132,790 cp
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: không có.

e) **Các chứng khoán khác:** không có.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### A. Thuận lợi năm 2014:

- Năm 2014 tiêu thụ thép cả nước tăng mạnh trở lại
- Nợ dài hạn đã giảm từ 1.202 tỷ xuống còn 970 tỷ, ngoài ra giá nguyên vật liệu giảm khoảng 30% nên nợ ngắn hạn trong năm 2015 sẽ giảm tương ứng đưa đến chi phí lãi vay chung sẽ giảm
- Lãi suất tiền vay ngân hàng vẫn duy trì ở mức thấp và tiếp tục hạ. Tỷ giá vẫn được Nhà nước kiểm soát
- Thương hiệu mạnh và là sản phẩm được ưu tiên lựa chọn của các công trình trọng điểm

##### B. Khó khăn năm 2014:

- Lãi suất vay dài hạn cao và tỷ giá thay đổi làm tăng chi phí tài chính cho DN
- Nhu cầu về thép có cải thiện mạnh nhưng vẫn mất cân đối.
- Xu thế giá nguyên liệu trên thế giới năm 2014 giảm sâu như năm khủng hoảng 2008 gây ảnh hưởng đến giá thành, giá bán sản phẩm.

#### 2. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản

- Tình hình biến động tài sản:

Nội dung	Tăng	Giảm	Nguyên giá TSCĐ
<b>Tại thời điểm 31/12/13</b>			<b>4.847.205.673.606</b>
○ Mua tài sản trong năm	84.800.925.496		84.800.925.496
○ Xây dựng hoàn thành			-
○ Thanh lý tài sản			-

Tại thời điểm 31/12/14

4.932.006.599.102

**b) Tình hình công nợ:**

• **Tình hình nợ phải thu:**

Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ % (tăng/giảm)	Quá hạn
Phải thu khách hàng	1.521.058.901.355	2.009.885.867.341	32.13	0
Các khoản phải thu khác	5.826.706.058	3.873.395.191	-33.52	0

• **Tình hình nợ phải trả**

Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ % (tăng/giảm)
1.Nợ ngắn hạn	<b>3.820.969.092.981</b>	<b>6.345.447.823.794</b>	66.07
Trong đó: - Vay ngắn hạn	3.255.518.958.935	5.556.497.445.410	70.67
- Phải trả người bán	415.146.459.654	462.818.950.860	11.48
- Chi phí phải trả	104.224.396.973	136.756.039.373	31.21
2.Nợ dài hạn	<b>1.278.983.701.454</b>	<b>790.049.595.945</b>	-38.22
Trong đó: Vay dài hạn	1.278.803.381.709	789.011.238.445	-38.30

Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ % (tăng/giảm)
-Chi phí lãi vay	235.708.530.592	274.466.539.735	16.44
-Chi phí lãi trả chậm	6.040.632.550	-	-
-Chi phí sử dụng vốn vay	-	-	-
-Lỗ tỷ giá hối đoái	101.851.794.872	72.188.879.690	-29.12
Cộng chi phí tài chính	<b>343.600.958.014</b>	<b>346.655.419.425</b>	0.88

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Hiện nay về cơ cấu tổ chức đã đi vào ổn định, các chính sách quản lý chủ yếu hướng vào giảm chi phí sản xuất
- Kế hoạch phát triển trong tương lai: Đầu tư lò cao
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2014 giữ vững thị phần 15% trên phạm vi cả nước, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu đạt 15,6% doanh thu. Tuy nhiên, hiệu quả tài chính năm 2014 chưa đạt kế hoạch do:

- Số năm 2013, sản lượng tiêu thụ năm 2014 tăng 17,55% nhưng do giá nguyên vật liệu giảm liên tục đưa đến cạnh tranh gay gắt do giá bán giảm dần từ đầu năm đến cuối năm, doanh thu chỉ tăng 9%.
- Khấu hao tài sản giá trị hàng năm lớn, xấp xỉ 320 tỷ/năm.



- Chi phí tài chính còn cao.

Từ các yếu tố nêu trên khiến lợi nhuận năm 2014 vẫn chưa đạt hiệu quả, bị lỗ 28,7 tỷ tuy đã giảm so với năm 2013 (lỗ 193,3 tỷ).

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

- Chấp hành đúng các quyết nghị của Hội đồng quản trị.
- Chăm lo tốt đời sống của công nhân viên

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2015:**

Doanh thu thuần	11.000.000.000.000đ
Lợi nhuận sau thuế	200 tỷ
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1.82%
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	8.5%
Cổ tức	-

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

S T T	Họ & tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập, thành viên không điều hành	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT của công ty nắm giữ tại các DN khác	NHIỆM KỶ
1	Đỗ Xuân Chiêu	1,104,000cp # 0.589%			5 năm
2	Đỗ Tiến Sĩ	5,115,384cp # 2.729%			5 năm
3	Đỗ Thị Kim Cúc	5,430,277cp # 2.897%	Thành viên không điều hành		3 năm
4	Đỗ Văn Khánh	552,000cp # 0.294%			5 năm
5	Đỗ Duy Thái	115,491,548cp #61.61%	(Đại diện cổ đồng sáng lập)	Chủ tịch HĐQT Cty TNHH Thép Việt	4 năm

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2014:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đỗ Xuân Chiểu	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Đỗ Duy Thái	PCT. HĐQT	4/4	100%	
3	Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
4	Bà Đỗ Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
5	Ông Đỗ Văn Khánh	Thành viên HĐQT	4/4	100%	

Hàng quý họp soát xét tình hình hoạt động kinh doanh, chỉ đạo, tháo gỡ về chính sách giúp Ban Tổng Giám Đốc đối phó tình hình khó khăn hiện nay

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ & tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Trần Tô Tử	2,875cp # 0.002%
2	Nguyễn Bạch Trường Chinh	0
3	Đỗ Hoàn Mỹ	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- HĐQT và Ban TGD đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông,
- Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,
- Các Biên bản họp, nghị quyết của HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp hoặc các thành viên được ủy quyền dự họp.
- Các Nghị quyết của HĐQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở Biên bản họp HĐQT hoặc Biên bản lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty,
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban TGD.

- Các quyết định của Ban TGD đều được ban hành một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời, các quyết định vượt thẩm quyền của Ban TGD đều được trình HĐQT và được HĐQT phê duyệt bằng nghị quyết,
  - Các Hợp đồng kinh tế quan trọng của Công ty trong năm 2014 đều được ký kết trên cơ sở hợp pháp, đảm bảo quyền lợi của Công ty và các cổ đông.
  - Báo cáo tài chính năm 2014 tại công ty mẹ Pomina và tại công ty con Pomina 2 đã được kiểm toán và phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2014 cũng như kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và không có bất kỳ sự ngoại trừ nào.
3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**
- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:
    - Cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát: không có
    - Cho Tổng Giám đốc: 1.656.948.106 đ/năm
  - b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:
    - \* Số lượng cp ngày 1/1/2014: 3.566.938 cp (Cty TNHH TM-SX Thép Việt)
    - \* Số lượng cp mua trong kỳ: 287.180 cp (Cty TNHH TM-SX Thép Việt)
    - \* Số lượng cp cuối kỳ (31/12/2014): 3.854.118 cp (Cty TNHH TM-SX Thép Việt)
  - c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.
  - d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:  
Công ty đã thực hiện Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26-7-2012 của Bộ Tài Chính.

**VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH : (đã được kiểm toán)**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

	2014	2013
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10.811.068.287.097</b>	<b>9.897.557.618.380</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.189.407.150)	(6.331.157.300)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10.804.878.879.947</b>	<b>9.891.226.461.080</b>
Giá vốn hàng bán	(10.370.585.792.887)	(9.543.566.740.324)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>434.293.087.060</b>	<b>347.659.720.756</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	45.708.593.053	21.051.736.682
Chi phí tài chính	(346.655.419.425)	(343.600.958.014)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>(274.466.539.735)</i>	<i>(235.708.530.592)</i>
Chi phí bán hàng	(35.584.108.798)	(29.168.401.459)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(108.378.355.389)	(109.453.199.502)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(10.616.203.499)</b>	<b>(113.511.101.537)</b>
Thu nhập khác	227.141.689	4.589.786.084
Chi phí khác	(15.475.966.295)	(60.609.560.039)
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(15.248.824.606)</b>	<b>(56.019.773.955)</b>
Lãi/(lỗ) trong công ty Liên doanh, Liên kết	-	(24.454.351.326)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(25.865.028.105)</b>	<b>(193.985.226.818)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(732.128.104)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2.650.477.609)	711.219.284
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(28.515.505.714)</b>	<b>(194.006.135.638)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</b>	<b>193.826.971</b>	<b>(698.814.818)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>(28.709.332.685)</b>	<b>(193.307.320.820)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(154)	(1.038)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	31/12/2014	01/01/2014
<b>TÀI SẢN</b>		
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>6.151.052.752.303</b>	<b>3.959.029.499.666</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>107.032.309.764</b>	<b>153.142.892.503</b>
Tiền	107.032.309.764	68.248.345.495
Các khoản tương đương tiền	-	84.894.547.008
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>2.097.953.015.024</b>	<b>1.652.141.600.617</b>
Phải thu khách hàng	2.009.885.867.341	1.521.058.901.355
Trả trước cho người bán	84.193.752.492	125.255.993.204
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
Các khoản phải thu khác	3.873.395.191	5.826.706.058
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>3.643.112.512.234</b>	<b>2.047.379.643.275</b>

Hàng tồn kho	3.646.564.581.402	2.048.051.275.754
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.452.069.168)	(671.632.479)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>302.954.915.281</b>	<b>106.365.363.271</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	20.870.370.786	21.639.267.475
Thuế GTGT được khấu trừ	270.999.823.002	70.716.695.781
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9.953.201.871	12.941.818.054
Tài sản ngắn hạn khác	1.131.519.622	1.067.581.961
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>3.218.773.896.898</b>	<b>3.535.213.757.272</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		
Phải thu dài hạn của khách hàng		
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		
<b>Tài sản cố định</b>	<b>3.090.366.682.175</b>	<b>3.283.016.763.259</b>
Tài sản cố định hữu hình	2.997.863.846.025	3.234.311.658.568
Nguyên giá	4.932.006.599.102	4.847.205.673.606
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.934.142.753.077)	(1.612.894.015.038)
Tài sản cố định thuê tài chính		
Tài sản cố định vô hình	7.988.257.578	8.670.386.530
Nguyên giá	13.606.504.484	12.911.531.604
Giá trị hao mòn lũy kế	(5.618.246.906)	(4.241.145.074)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	84.514.578.572	40.034.718.161
<b>Bất động sản đầu tư</b>		
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11.402.985.380</b>	<b>9.402.985.380</b>
Đầu tư vào công ty con	-	
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	
Đầu tư dài hạn khác	11.402.985.380	9.402.985.380
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>117.004.229.343</b>	<b>242.794.008.633</b>
Chi phí trả trước dài hạn	116.994.229.343	240.133.531.024
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	2.650.477.609
Tài sản dài hạn khác	10.000.000	10.000.000
<b>Lợi thế thương mại</b>		
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>9.369.826.649.201</b>	<b>7.494.243.256.938</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>7.004.051.692.412</b>	<b>5.099.952.794.435</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>6.214.002.096.467</b>	<b>3.820.969.092.981</b>
Vay và nợ ngắn hạn	5.556.497.445.410	3.255.518.958.935
Phải trả cho người bán	462.818.950.860	415.146.459.654
Người mua trả tiền trước	18.659.227.753	1.614.871.525
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	68.642.147	517.686.686

Phải trả công nhân viên	4.996.367.568	5.229.117.561
Chi phí phải trả	136.756.039.373	104.224.396.973
Phải trả nội bộ	-	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.826.892.359	30.971.725.050
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	6.378.530.997	7.745.876.597
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>790.049.595.945</b>	<b>1.278.983.701.454</b>
Phải trả dài hạn người bán	-	
Phải trả dài hạn nội bộ	-	
Phải trả dài hạn khác	1.038.357.500	
Vay và nợ dài hạn	789.011.238.445	1.278.803.381.709
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	
Dự phòng phải trả dài hạn	-	
Doanh thu chưa thực hiện	-	180.319.745
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>2.360.794.081.441</b>	<b>2.389.503.414.126</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.360.794.081.441</b>	<b>2.389.503.414.126</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.874.499.510.000	1.874.499.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	(31.347.567.000)	(31.347.567.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	
Quỹ đầu tư phát triển	599.002.764.802	599.002.764.802
Quỹ dự phòng tài chính	102.427.301.442	102.427.301.442
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Lợi nhuận chưa phân phối	(218.787.927.803)	(190.078.595.118)
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>4.980.875.348</b>	<b>4.787.048.377</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>9.369.826.649.201</b>	<b>7.494.243.256.938</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	2014	2013
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>(25.865.028.105)</b>	<b>(193.985.226.818)</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>		
Khấu hao tài sản cố định	322.625.839.871	320.035.834.913
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	2.780.436.689	(3.770.590.159)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	22.212.649.599	9.822.978.381
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(30.626.931.453)	15.331.303.185
Chi phí lãi vay	274.466.539.735	235.708.530.592

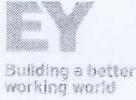
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>565.593.506.336</b>	<b>383.142.830.094</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(643.822.553.423)	843.984.057.214
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(1.598.513.305.648)	173.159.405.666
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	95.098.753.730	(125.809.463.322)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	58.586.784.442	14.137.137.744
Tiền lãi vay đã trả	(275.239.437.924)	(237.376.117.160)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.992.368.208)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		646.067.290
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.367.345.600)	(1.564.846.603)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(1.799.663.598.087)</b>	<b>1.042.326.702.715</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(64.654.344.859)	(66.687.768.210)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	-	770.887.587
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	(2.000.000.000)	
Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000.000	
Tiền lãi đã nhận	626.931.453	4.305.749.291
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(36.027.413.406)</b>	<b>(61.611.131.332)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	11.708.035.595.283	7.279.035.314.855
Tiền chi trả nợ gốc vay	(9.918.441.116.167)	(8.209.094.354.737)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(26.838.125)	(1.452.378.125)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>1.789.567.640.991</b>	<b>(931.511.418.007)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>(46.123.370.502)</b>	<b>49.204.153.376</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>153.142.892.503</b>	<b>104.424.899.216</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	12.787.763	(486.160.089)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>107.032.309.764</b>	<b>153.142.892.503</b>

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA  
CHỦ TỊCH



ĐỖ XUÂN CHIỀU

**Ý kiến của kiểm toán :**



Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam  
Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61121142/17145678/HN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thép Pomina**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Pomina và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





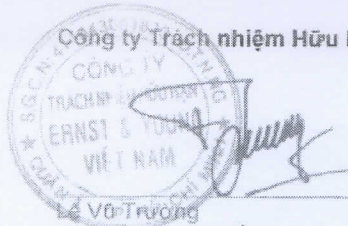
Building a better  
working world

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2014.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Võ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015